

# QUAN ĐIỂM VỀ DÂN QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC ĐIỂN HÌNH VỀ VAI TRÒ CỦA DÂN TRONG LỊCH SỬ (TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

★ GS, TS HỒ SĨ QUÝ

*Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*

● **Tóm tắt:** Kế tục truyền thống “Vi dân” được đúc kết từ trong lịch sử dựng nước và giữ nước, từ Đại hội VI, tư tưởng “Dân là gốc” đã được khẳng định là bài học sống còn của sự nghiệp Đổi mới. Từ đó đến nay, các kỳ Đại hội Đảng đều nêu lại bài học này, nhấn mạnh cả ở tư tưởng Dân là “Trung tâm”, là “Chủ thể” và cả ở nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Bài viết tìm hiểu nguyên nhân thịnh suy của các triều đại phong kiến Việt Nam và nhận thấy rằng, sức mạnh Quốc gia, bao giờ cũng gắn với Dân. Không có ngoại lệ, những trang rạng rỡ trong lịch sử chống ngoại xâm, dựng xây xã tắc, v.v.. đều là những giai đoạn lòng dân đồng thuận, sức dân được khoan thư, dân quyền được tôn trọng, tiếng dân được lắng nghe; mọi bất an, lo lắng, oan trái, v.v.. của dân, đều có phương thức để được giải quyết.

● **Từ khóa:** Lòng dân, sức dân, thân dân, dân là gốc.

## 1. “Chỉ sợ lòng dân không theo” (Hồ Nguyên Trừng)

Trước và sau khi lên ngôi năm 1400, Hồ Quý Ly đã tiến hành những cải cách hành chính, kinh tế, quân sự vào loại mạnh bạo và triệt để nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Ông đặt tên nước là “Đại Ngu” (大虞), phát hành tiền giấy “Thông Bảo hội sao”, thực hiện chính sách “hạn điền, hạn nô”, chuyển kinh đô từ Thăng Long về Thanh Hóa, phát binh thảo phạt Chiêm Thành, v.v.. Là bậc quân vương tài ba, biết nhìn xa trông rộng, nhưng Hồ Quý Ly gây thù chuốc oán do thanh trừng nhiều người tài

thuộc giới quý tộc nhà Trần, mặc dù trong số họ có những người tham gia mưu phản Hồ Quý Ly. Giới quý tộc phần uất. Đông đảo dân phu và binh lính bị lao dịch khổ sở, binh sĩ bất mãn, v.v.. Các chính sách làm mất lòng dân của Hồ Quý Ly sau này đều bị phê phán nặng nề trong các bộ chính sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* hay *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*. Ông bị quy tội nặng nề ở thái độ đối với dân: sẵn sàng xuống tay khi dân, binh sĩ, quan lại không thần phục. “Trí sử nhân tâm chi oán phản” (至使人心之怨叛) để đến nỗi nhân tâm oán, phản là nhận định chung mà Nguyễn Trãi

hai mươi năm sau đã đánh giá trong *Đại cáo bình Ngô*<sup>1</sup>.

Nhìn thấy họa xâm lăng từ phương Bắc, nhà Hồ chuẩn bị phòng thủ rất chu đáo. Thành lũy được xây dựng hùng hậu, nhiều tuyến phòng thủ kéo dài. Thành nhà Hồ đến nay vẫn còn được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đánh giá là vững chắc và bề thế nhất Đông Nam Á. Với quân đội, Hồ Quý Ly chủ trương xây dựng đội quân “trăm vạn”. Quân đội thời nhà Hồ đông và được trang bị thuộc loại tốt nhất trong sử Việt. Hồ Nguyên Trừng đã chế tác súng *Thần cơ thương pháo* và *Cổ lâu thuyền*, hai loại vũ khí chiến lược được coi là hiện đại so với thế giới lúc bấy giờ. *Thần cơ thương pháo* đã được Nhà Minh gọi là “vũ khí đệ nhất thiên hạ” và về sau được quân Minh sử dụng rất hữu hiệu trong các trận chiến với Mông Cổ. Còn *Cổ lâu thuyền*, theo Sử thần Ngô Sĩ Liên mô tả thì đây là loại tàu chiến lớn có hai tầng: “Thuyền đình sắt này có hiệu là Trung tàu tải lương, Cổ lâu thuyền tải lương, chỉ mượn tiếng chở lương thôi, nhưng bên trên có đường sào đi lại để tiện việc chiến đấu. Bên dưới thì hai người chèo một mái chèo”<sup>2</sup>.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép, năm 1405, sau khi Hồ Hán Thương cho đóng cọc ở cửa sông Bạch Hạc để ngăn giặc từ Tuyên Quang tràn xuống, Hồ Quý Ly đã phải triệu quan lại các sứ lộ về triều họp với các quan ở kinh nên đánh hay nên hòa. “Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiêu theo những điều chúng (Giặc Minh) muốn để hoãn binh thì hơn. Tả tướng quốc Trừng nói: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!”<sup>3</sup>. Lời Hồ Nguyên Trừng phản ánh điểm yếu chết người của nhà Hồ lúc đó, đã trở thành lời cảnh tỉnh bất hủ trong lịch sử về thái độ

quốc triều đối với dân. Sau này, sử thần Ngô Sĩ Liên khen rằng “Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trừng hiểu được điều cốt yếu đó. Không thể vì cơ họ Hồ mà bỏ câu nói của Trừng được”<sup>4</sup>. Nhà sử học Trần Trọng Kim, một chính khách lớn trước năm 1945 cũng đánh giá về Hồ Quý Ly tương tự: “Cũng vì cái cơ (cướp ngôi Vua) ấy, cho nên lòng người mới bỏ họ Hồ mà theo giặc, để đến nỗi cha con họ Hồ thua chạy, bị bắt, phải đem thân đi chịu nhục ở đất nước người! Nhưng đây là cái tội làm hại riêng cho một họ Hồ mà thôi, còn cái tội làm mất nước Nam thì ai gánh vác cho Hồ Quý Ly?”<sup>5</sup>. Thực ra, quy tội để mất nước Nam năm 1406 - 1407 cho Hồ Quý Ly cũng là vấn đề cần phải được nghiên cứu đánh giá sâu sắc hơn.

Mặc dù thành cao hào sâu, lương đủ, vũ khí hiện đại, quân đông và khá tinh nhuệ, binh sĩ anh dũng chống xâm lăng, nhất là giai đoạn đầu cuộc chiến, nhưng do “lòng dân oán hận”, lòng tin bị mai một, rình rập nỗi lo phản trắc, nên cuối cùng, vua tôi nhà Hồ bị bại trận, đất nước rơi vào tay giặc ngoại xâm. Trong cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Minh, Triều Hồ đại bại chỉ sau 9 tháng, giặc Minh cướp được giang sơn, “Thui dân đen trên lò bạo ngược/ Hãm con đỏ dưới hố tai ương”<sup>6</sup>. Trong lịch sử Việt Nam, chưa có thời nào bị đất đến nỗi, giặc Minh ngang nhiên quát roi vào mặt lính gác cổng thành; rồi sau đó truy đuổi, bắt sống gần như toàn bộ nội các triều đình ở Kỳ La và Cao Vọng (Kỳ Anh, Hà Tĩnh ngày nay), giải về hành tộ ở Bắc Kinh, Trung Quốc.

## 2. “Lật thuyền mới biết sức dân như nước” (Nguyễn Trãi)

Năm 1407, Nguyễn Phi Khanh, cha của Nguyễn Trãi với chức Đại lý tự khanh kiêm Trung thư thị lang, cũng bị giặc Minh bắt và giải về Trung Quốc. Nguyễn Trãi theo cha đến

ái Nam Quan, rồi vâng lời cha quay về nuôi chí đuổi giặc Minh “làm tròn chữ Đại Hiếu” - không chỉ hiếu với Cha mà còn hiếu với non sông đất nước. Khi về ngang qua cửa Bạch Đằng, nơi vẫn còn dấu tích trận bại chiến của Hồ Quý Ly chống giặc Minh, cũng là nơi Đại Việt từng ba lần đánh bại quân xâm lược, Nguyễn Trãi cảm thán viết bài thơ *Quan hải* (關海) nổi tiếng, ngậm ngùi suy ngẫm về vận nước, về mối hận nghìn năm của Hồ Quý Ly và đặc biệt, về *sức mạnh của lòng dân*. Trong bài thơ có những tư tưởng đã trở thành lời cảnh báo máu xương đối với tất cả các triều đại về sau: “Phúc chu thủy tín dân do thủy” (覆舟始信民猶水) - Lật thuyền mới biết sức dân như nước; “Họa phúc hữu môi phi nhất nhật/Anh hùng di hận kỷ thiên niên” (禍福有媒非一日，英雄遺恨幾千年) - Chuyện họa phúc không phải là chuyện của một ngày/Di hận của người anh hùng để lại đến hàng nghìn năm sau<sup>7</sup>. Nguyễn Trãi viết bài thơ này cách đây hơn sáu thế kỷ. Nỗi đau của người anh hùng quả thực đến nay vẫn tưởng như còn nóng hổi.

Sau sự kiện này, năm 1420, Nguyễn Trãi gia nhập nghĩa quân Lam Sơn với sách *Bình Ngô*. Năm 1427, sau chiến thắng vĩ đại Chi Lăng - Xương Giang, giặc Minh đầu hàng, rút tàn quân về nước. Khởi nghĩa Lam Sơn đại thắng. Mùa xuân năm 1428, Nguyễn Trãi viết *Đại cáo bình Ngô*, bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai của Việt Nam. Trước quốc dân, tư tưởng “An Dân”, “Nhân nghĩa”, một lần nữa được Nguyễn Trãi nhắc lại: “Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân” (仁義之舉，要在安民) - Việc nhân nghĩa cốt để an dân. “Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, Dĩ chí nhân nhi dị cường bạo (以大義而勝兇殘，以至仁而易疆暴) - Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo<sup>8</sup>.

Những năm cuối đời, số phận Nguyễn Trãi là một bi kịch, bi kịch không chỉ của riêng ông mà là bi kịch của cả dân tộc. Nhưng chính bi kịch này lại khiến tư tưởng thân dân, nhân nghĩa của Nguyễn Trãi càng thêm tỏa sáng và trở thành bài học xương máu cho muôn đời sau. Năm 1980, tổ chức UNESCO đã ghi nhận Nguyễn Trãi là Danh nhân văn hóa và được kỷ niệm trên toàn thế giới.

### 3. “Biết nghe tiếng nói oan khiên của người dân” (Lê Thánh Tông)

Tháng 10 âm lịch năm Tân Hợi 1491, vua Lê Thánh Tông cho xây dựng đình Quảng Văn ở cửa Đại Hưng (cửa Nam thành Thăng Long, nay là vườn hoa Cửa Nam) làm nơi để triều đình “rộng nghe” ý kiến của dân. Đình này treo một cái trống lớn, người dân nếu có oan khiên thì đánh một hồi trống kêu oan. Một vị quan sẽ nhận đơn thỉnh cầu rồi từ đó có thể trình báo giải quyết nỗi oan của họ. Quảng Văn đình cũng là nơi quan Câu Kê, đại diện cho triều đình, đến giảng pháp lệnh, những điều răn của nhà vua vào ngày mồng một đầu tháng cho dân chúng<sup>9</sup>. Có sử gia về sau bình rằng “giá như thời hậu Trần hay Lê mặt mà đặt trống Đăng Văn ở đây thì dân chúng quanh vùng sẽ phải đình tai nhức óc”.

Nghĩa là, trong con mắt các nhà sử học, Lê Thánh Tông là một trong số không nhiều vị vua biết nghe tiếng nói oan khiên của người dân, biết chú ý đến lòng dân. Là người đứng đầu Hội Tao Đàn, Vua Lê Thánh Tông cũng là người có công lớn trong việc phát triển nền giáo dục - khoa cử nho học, một nền giáo dục mà dân thường cũng có khả năng đỗ đạt, làm quan. Ông là người tổ chức biên soạn bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức), một bộ luật mà ngày nay nhìn lại có thể thấy tiến bộ hơn rất nhiều so với luật pháp đương thời ở khu vực. Với tinh thần của bộ luật này, nhà nước phong kiến trung

ương tập quyền thời Hậu Lê thuộc loại hùng mạnh. Nhưng điều quan trọng là rất nhiều điều khoản của Luật Hồng Đức thể hiện rất rõ, chi tiết, cụ thể thái độ tôn trọng sức dân, lòng dân, của cải của người dân và trách nhiệm của nhà nước đối với dân, với đời sống bình thường của người dân. Quốc triều hình luật quy định nhà vua, nhà nước phải quan tâm đến đời sống vật chất của người dân, *phải làm cho dân có tài sản*, coi nghề nông là gốc. Trong bộ luật này, để cho dân no đủ, yên ổn với nghề nông, có nhiều điều quy định trừng trị các tội bán ruộng đất, trâu bò, mắm muối cho người nước ngoài, hay trừng trị quan lại lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt ruộng đất, của cải của dân, sai khiến dân trái thời vụ, v.v..<sup>10</sup>

Năm 1464, Lê Thánh Tông ban chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng tước Tán Trù Bá. Con trai Nguyễn Trãi là Nguyễn Anh Vũ, người duy nhất sống sót trong vụ án Lê Chi Viên, được ban chức huyện quan. Lê Thánh Tông cũng ban lệnh sưu tầm di cáo Nguyễn Trãi, nhờ đó mà một phần di sản thư văn của Nguyễn Trãi mới có điều kiện để đến được với hậu thế ngày nay. Với 38 năm Lê Thánh Tông trị vì cũng là giai đoạn đất nước cực thịnh, nhiều oan khiên thời trước được cởi bỏ, nông nghiệp phát triển, dân trí chấn hưng, pháp luật công minh, nhân đạo, v.v.. Điều này có liên quan mật thiết đến thái độ đối với dân của Lê Thánh Tông.

#### 4. “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân” (Hồ Chí Minh)

Trong cuộc đời hoạt động của mình, lãnh tụ Hồ Chí Minh có rất nhiều phát biểu, tuyên bố, nhận định, bình luận, v.v.. đạt tới tầm những tư tưởng bất hủ về dân, về vị thế “làm dân, làm người”, về vai trò của dân và về trách nhiệm của nhà cầm quyền đối với dân. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một số tư tưởng

đáng chú ý của Người trong khuôn khổ chủ đề nhân tố dân, lòng dân và sức mạnh của dân.

Trong *Bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa 2 trường Đại học nhân dân Việt Nam* ngày 08/12/1956, khi giải thích những tư tưởng trong *Tam tự kinh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu quan điểm của mình về dân, về sức mạnh của nhân dân, Người nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”<sup>11</sup>. Bài nói chuyện này được thực hiện cuối năm 1956, khi cải cách ruộng đất đã bị đình chỉ do mắc phải những sai lầm nặng nề. Trong không khí rút kinh nghiệm sâu sắc từ những oan sai, tư tưởng này là sự chiêm nghiệm và sự nhắc nhở của Người đối với cán bộ về vị thế của người dân trong xã hội.

Năm 1947, giữa lúc phải tập trung chuẩn bị Chiến dịch Thu Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*. Cuốn sách nhằm chỉ dẫn, động viên cán bộ, đảng viên chấn chỉnh thái độ, tác phong trong công tác để tạo thêm sức mạnh đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi. Trong cuốn sách, về quan điểm và thái độ đối với dân, Người viết: “Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ”<sup>12</sup>. Sau này, cuốn sách gần như trở thành giáo khoa về giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng của Đảng và Nhà nước. Lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ phải nhận ra phẩm chất tự nhiên của người dân là “Dân rất tốt”. Người gọi đây là “chân lý” và nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải “ghi tạc vào đầu cái chân lý này”.

Với quan điểm sáng suốt của một vĩ nhân về vị thế của dân, về phẩm chất của dân trong tương quan với nước, bằng sự trải nghiệm lịch



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm hỏi nông dân Hợp tác xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) đang gặt lúa, năm 1954 \_ Ảnh: Tư liệu*

sử sâu sắc của mình, Hồ Chí Minh đã không ngần ngại cải biến quan điểm của Nho giáo từ “Trung quân, ái quốc” thành “Trung với nước, hiếu với dân”. Trong *Bài nói tại Trường cán bộ tự vệ* ngày 07/1/1946, sau đó được đăng trên báo *Cứu quốc* số 136 ngày 08/1/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”<sup>13</sup>. Tư tưởng này sau đó đã được khẳng định lại và nhấn mạnh thêm tại Lễ khai giảng Trường võ bị Trần Quốc Tuấn ngày 26/5/1946, khi Người phát biểu trước cán bộ, học viên nhà trường. Chính tại đây, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trao tặng nhà trường lá cờ thêu 6 chữ vàng “Trung với nước, hiếu với dân”. Đây là tư tưởng nguyên thủy của Hồ Chí

Minh khi tiếp thu đạo đức Nho giáo để xây dựng nền đạo đức cách mạng. Tư tưởng này có tầm cao và chiều sâu của một minh triết về sự hưng vong của Dân tộc và Tổ quốc.

### **5. “Muốn được dân yêu, trước hết phải yêu dân” (Hồ Chí Minh)**

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, khi theo dõi hoạt động của các Ủy ban nhân dân xuất hiện tình trạng bị “dân phàn nàn, oán thán nhiều hơn lời khen”, trên báo *Cứu quốc* số 65 ra ngày 12/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý... Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết

phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy”<sup>14</sup>. Quan niệm này được Hồ Chí Minh nói tới nhiều lần, nhất là thời kì đầu lập nước. Nghĩa là, *yêu dân, đặt quyền lợi của dân trên hết thảy*, không phải chỉ là một giải pháp chính trị, mà là tư tưởng sâu sắc thường trực trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh. Trong nền chính trị hiện đại, ít thấy ai nói “yêu dân”. Có thể có những lý do thuộc về văn hóa chính trị ngày nay quy định điều này, tuy vậy, bản chất vấn đề vẫn là ở chỗ thái độ đối với dân - yêu dân, mưu cầu quyền lợi cho dân - chứ *dân* không đơn thuần là đối tượng thụ động của hoạt động chính trị.

Khi được hỏi về thân thế cá nhân sau thắng lợi cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo nước ngoài trên báo *Cứu quốc* số ra ngày 21/1/1946. Người nói: “Tôi tuyệt nhiên không ham công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>15</sup>. Ham muốn tột bậc của Hồ Chí Minh - nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, trên thực tế là mục tiêu dài lâu cũng đồng thời là mục tiêu trước mắt của sự phát triển đất nước. Dù Việt Nam phát triển theo khuynh hướng nào, hướng tới một xã hội có những đặc trưng gì đi nữa, thì dân tộc thực sự độc lập, người dân được hưởng quyền tự do, không còn người đói khổ, không còn người thất học, v.v..

chính là lý tưởng thiêng liêng, cao cả và thực tế của sự phát triển.

Trong tư tưởng này của Hồ Chí Minh, *dân ta được hoàn toàn tự do* là một nội dung đặc biệt cao cả mà theo chúng tôi, không nhiều lãnh tụ của các quốc gia khác dám nhấn mạnh thành một tuyên ngôn hàm súc đến thế. Hơn thế nữa, trên báo *Cứu quốc* số 69 ra ngày 17/10/1945, trong “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”, Hồ Chí Minh với tư cách là người đứng đầu nhà nước, đã chỉ ra 6 “lầm lỗi rất nặng nề” của một số cán bộ chính phủ mới. Người viết: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>16</sup>. Đã một thời kỳ, tư tưởng này của Hồ Chí Minh không được nhắc tới. Không thể phủ nhận, cũng một thời gian dài, hạnh phúc và tự do mà người dân được hưởng chẳng những còn rất xa so với mong đợi, mà còn có quá nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là để cho dân có hạnh phúc và tự do. Tất nhiên, nền chính trị nào cũng có những tuyên bố tương tự. Nhưng tuyên bố như Hồ Chí Minh *độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì nếu dân không hưởng hạnh phúc, tự do*, thì hầu như không lãnh tụ nào nói thế. Độc lập dân tộc là điều kiện của hạnh phúc, tự do, là mục tiêu nền tảng để người dân đạt tới hạnh phúc, tự do. Tư tưởng vĩ đại, sâu sắc, yêu dân và tuyệt đối nhân đạo này của Hồ Chí Minh, theo chúng tôi rất cần thiết phải được nhấn mạnh và phổ biến nhiều hơn nữa trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam.

## 6. Kết luận

Nghiên cứu nguyên nhân thịnh suy của các triều đại trong lịch sử Việt Nam, người ta có thể thấy một thực tế khá hiển nhiên rằng, sức mạnh của các triều đại, bao giờ cũng gắn liền với sức

manh của dân. Vì thế, ngay từ rất sớm, sức dân, lòng dân đã được cha ông ta coi là một nhân tố nền tảng, tạo nên sự vững mạnh của đất nước. Không có ngoại lệ, những trang sử rạng rỡ trong chiến thắng ngoại xâm, dựng xây xã tắc thanh bình, v.v.. đều là những giai đoạn lòng dân thuận hòa, sức dân được khoan thư, dân quyền được tôn trọng, tiếng dân được lắng nghe; mọi bất an, lo lắng, oan trái, v.v.. của dân, đều có phương thức để được giải quyết.

Vấn đề *Lòng dân* thực chất là vấn đề về sự hài lòng của người dân đối với các quyết sách

của chính quyền. Trình độ cao nhất của sự hài lòng là người dân *có tự do và hạnh phúc trong một quốc gia độc lập*, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác họa. Trình độ thấp nhất là đời sống người dân bị bất an, lo lắng vì những oan ức, sai trái có thể xảy ra, v.v.. Do vậy, “Muốn được dân yêu, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thấy” - Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với chính quyền, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, đến nay vẫn còn nguyên giá trị và tính cấp thiết ❖

<sup>1, 6, 7, 8</sup> Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.77, 77, 280-281, 77-79.

<sup>2, 3, 4</sup> Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tập II, tr.207, 211, 211.

<sup>5</sup> Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Nxb Nhã Nam, Hà Nội, 2015, tr.70.

(Bản dịch của Đào Duy Anh):

<p>關海            椿木重重海浪前，            沉江鐵鎖亦徒然。            覆舟始信民猶水，            恃險難憑命在天。            禍福有媒非一日，            英雄遺恨幾千年。            乾坤今古無窮意，            卻在滄浪遠樹煙。</p>	<p><b>Quan hải</b>            Thung mộc trùng trùng hải lãng tiền;            Trầm giang thiết toả diệc đồ nhiên.            Phúc chu thủy tín dân do thủy;            Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên.            Hoạ phúc hữu môi phi nhất nhật,            Anh hùng di hận kỷ thiên niên.            Kiền khôn kim cổ vô cùng y,            Khước tại Thương Lang viễn thụ yên.</p>	<p><b>Quan hải</b>            Lốp lốp rào lim ngăn sóng biển,            Khoá sông xích sắt cũng vầy thôi.            Lật thuyền mới rõ dân như nước,            Cậy hiểm khôn xoay mệnh ở trời.            Hoạ phúc gây mầm không một chốc,            Anh hùng để hận mấy trăm đời.            Vô cùng trời đất gương kim cổ,            Cây khói xa mù bát ngát khơi.</p>
---	---	--

<sup>9</sup> Nguyễn Vinh Phúc: *1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr.259.

<sup>10</sup> Viện Sử học Việt Nam: *Quốc triều hình luật. Luật hình Triều Lê*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2005.

<sup>11</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.453.

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.286.

<sup>13, 14, 15, 16</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.170, 51-52, 187, 64.